

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-ST

Ngày: 08-8-2018

“Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

Ông Phan Văn Truỵện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L.

Ngày 08/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **86/2018/TLST-DS ngày 25/6/2018** về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hụi**”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2018/QĐST-DS ngày 19/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **B**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố 5, phường 2, thị xã K, tỉnh L.

Bị đơn:

- Bà **D**, sinh năm 1985;

- Ông **O**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số 70, đường Lý Thường Kiệt, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh L.

(Bà B, bà D, ông O có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2018, những lời trình bày của nguyên đơn, tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Bà chơi 02 dây hụi do bà D làm chủ thảo như sau:

Dây thứ 01: Bà chơi dây hụi 2.000.000đ mỗi tháng khui một lần vào ngày 20 hàng tháng hụi có 28 phần, bà tham gia 04 phần, đến ngày 20/10/2016 bà đóng

được 13 lần. Bà không nhớ số tiền thực tế các lần đã đóng. Bà yêu cầu ông O, bà D phải trả bà số tiền $04 \text{ phần} \times 13 \text{ lần} \times 1.000.000\text{đ} = 104.000.000\text{đ}$.

Dây thứ 02: bà chơi dây hụi 1.000.000đ mỗi tháng khui một lần vào ngày 25 hàng tháng do bà D làm chủ thảo, hụi có 36 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 17 lần, bắt đầu đóng ngày 25/6/2016. Bà không nhớ số tiền thực tế các lần đã đóng. Bà yêu cầu ông O, bà D phải trả bà số tiền $02 \text{ phần} \times 17 \text{ lần} \times 1.000.000\text{đ} = 34.000.000\text{đ}$.

Bà yêu cầu ông O, bà D phải liên đới trả cho bà 02 dây hụi số tiền như sau: $104.000.000\text{đ} + 34.000.000\text{đ} = 138.000.000\text{đ}$.

Từ ngày 30/10/2017 đến ngày 24/11/2017, ông O, bà D đã trả bà được 10.000.000đ.

Bà yêu cầu ông O, bà D phải liên đới trả cho bà số tiền còn lại là $138.000.000\text{đ} - 10.000.000\text{đ} = 128.000.000\text{đ}$.

Bị đơn ông O, bà D trình bày:

Ông, bà xác định lời trình bày trên của bà B là đúng một phần.

Các lần bà B đã đóng thực tế cho ông, bà số tiền như sau:

Dây thứ 01: dây hụi 2.000.000đ, hụi có 28 phần, bà B tham gia 04 phần, đóng được 13 lần, bắt đầu đóng ngày 20/10/2016.

Ngày 20/10/2016, bà B đóng cho ông, bà 1.450.000đ.

Ngày 20/11/2016, bà B đóng cho ông, bà 1.240.000đ.

Ngày 20/12/2016, bà B đóng cho ông, bà 1.120.000đ.

Ngày 20/01/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.120.000đ.

Ngày 20/02/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.140.000đ.

Ngày 20/3/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.140.000đ.

Ngày 20/4/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.030.000đ.

Ngày 20/5/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.110.000đ.

Ngày 20/6/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.820.000đ.

Ngày 20/7/2017, bà B đóng cho ông, bà 1.000.000đ.

Ngày 20/8/2017, bà B đóng cho ông, bà 700.000đ.

Ngày 20/9/2017, bà B đóng cho ông, bà 490.000đ.

Ngày 20/10/2017, bà B đóng cho ông, bà 240.000đ.

Tổng cộng bà B đóng cho ông, bà $11.860.000\text{đ} \times 04 \text{ phần} = 47.440.000\text{đ}$.

Dây thứ 02: dây hụi 1.000.000đ, hụi có 36 phần, bà B tham gia 02 phần, đóng được 17 lần, bắt đầu đóng ngày 25/6/2016.

Ngày 25/6/2016, bà B đóng cho ông, bà 720.000đ.

Ngày 25/7/2016, bà B đóng cho ông, bà 680.000đ.

Ngày 25/8/2016, bà B đóng cho ông, bà 535.000đ.

Ngày 25/9/2016, bà B đóng cho ông, bà 525.000đ.

Ngày 25/10/2016, bà B đóng cho ông, bà 500.000đ.

Ngày 25/11/2016, bà B đóng cho ông, bà 490.000đ.

Ngày 25/12/2016, bà B đóng cho ông, bà 550.000đ.

Ngày 25/01/2017, bà B đóng cho ông, bà 420.000đ.

Ngày 25/02/2017, bà B đóng cho ông, bà 460.000đ.

Ngày 25/3/2017, bà B đóng cho ông, bà 400.000đ.

Ngày 25/04/2017, bà B đóng cho ông, bà 400.000đ.

Ngày 25/5/2017, bà B đóng cho ông, bà 360.000đ.

Ngày 25/6/2017, bà B đóng cho ông, bà 320.000đ.

Ngày 25/7/2017, bà B đóng cho ông, bà 280.000đ.

Ngày 25/8/2017, bà B đóng cho ông, bà 240.000đ.

Ngày 25/9/2017, bà B đóng cho ông, bà 150.000đ.

Ngày 25/10/2017, không đóng.

Tổng cộng bà B đóng cho ông, bà 7.030.000đ x 02 phần là 14.060.000đ.

Tổng cộng bà B đóng cho ông, bà 02 dây hụi số tiền 47.440.000đ + 14.060.000đ = 61.500.000đ.

Từ ngày 30/10/2017 đến ngày 24/11/2017, ông, bà đã trả bà được cho bà B 10.000.000đ.

Nay ông, bà chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền là 61.500.000đ - 10.000.000đ = 51.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà D, sinh năm 1985 và ông O, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Số 70, đường Lý Thường Kiệt, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh L nên Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L thụ lý vụ án là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà B có chơi các dây hụi do bà D ông O có làm chủ hụi được xác định quan hệ pháp luật dân sự là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Nguyên đơn bà B yêu cầu ông O và bà D phải liên đới trả số tiền bà đã chơi hụi do ông O và bà D là chủ Thảo phía bị đơn ông O và bà D cũng đồng ý trả số tiền hụi mà bà B đã đóng. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được số tiền phải trả. Phía bà B yêu cầu trả số tiền góp hụi của dây thứ 01: số tiền là 2.000.000đ mỗi tháng, hụi có 28 phần, bà tham gia 04 phần, đến ngày 20/10/2016 bà đóng được 13 lần với số tiền là 104.000.000đ. Dây thứ 02: số tiền là 1.000.000đ có 36 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 17 lần, bắt đầu đóng ngày 25/6/2016 với số tiền là 34.000.000đ. Tổng cộng là 138.000.000đ - 10.000.000đ = 128.000.000đ. Phía bị đơn cho rằng dây hụi thứ nhất tổng cộng bà B đóng cho ông, bà 11.860.000đ x 04 phần = 47.440.000đ và dây hụi thứ 2 tổng cộng bà B đóng cho ông, bà 7.030.000đ x 02 phần là 14.060.000đ. Tổng cộng bà B đóng cho ông, bà 02 dây hụi số tiền 47.440.000đ + 14.060.000đ = 61.500.000đ - 10.000.000đ = 51.500.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy đối với yêu cầu của bà B yêu cầu ông O và

D phải trả số tiền hội sống không phải số tiền hội thực tế mà bà đã đóng nên cần phải xem xét số tiền thực tế bà đã đóng cho ông O và bà D.

[4] Căn cứ vào sổ chơi hội do những người hốt hội có ký nhận số tiền và ghi rõ họ tên xét thấy thực tế bà B có đóng cho ông O, bà D số tiền của các lần chơi hội như sau đây hội thứ nhất tổng cộng bà B đóng cho ông, bà $11.860.000đ \times 04$ phần = 47.440.000đ và đây hội thứ 2 tổng cộng bà B đóng cho ông, bà $7.030.000đ \times 02$ phần là 14.060.000đ. Tổng cộng bà B đóng cho ông, bà 02 đây hội số tiền $47.440.000đ + 14.060.000đ = 61.500.000đ$ nên cần chấp nhận buộc ông O và bà D phải liên đới trả cho bà B số tiền trên.

[5] Hai bên thống nhất từ ngày 30/10/2017 đến ngày 24/11/2017, ông O, bà D đã trả cho bà B được 10.000.000đ nên cần được trừ vào số tiền ông O và bà D phải trả bà B. Nên buộc ông O và bà D phải liên đới trả số tiền $61.500.000đ - 10.000.000đ = 51.500.000đ$ cho bà B.

[6] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với ông O và bà D như sau $128.000.000đ - 51.500.000đ = 76.500.000đ$.

[7] Về phần lãi suất bà B không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận một phần nên ông O và bà D phải liên đới phải chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm, bà B phải chịu một phần án phí về phần không được chấp nhận được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và các Điều 266, 269, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B.

Buộc ông O, bà D phải trả số tiền là 51.500.000đ (năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với yêu cầu ông O, bà D phải trả số tiền là 76.500.000đ (bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc O, bà D phải nộp 2.575.000đ (hai triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Buộc bà B phải nộp 3.825.000đ (ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được miễn trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006811 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Buộc bà B phải nộp thêm số tiền là 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THA-DS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Diệp

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Truệ – Lâm Thị Kim Xuyên

Trần Diệp

